

Yêu cầu báo giá

Chủ đầu tư: **BỆNH VIỆN CHUYÊN KHOA TÂM THẦN VÀ DA LIỄU TỈNH HẬU GIANG** có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu **Mua hóa chất xét nghiệm sử dụng tại Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang năm 2026** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: **BỆNH VIỆN CHUYÊN KHOA TÂM THẦN VÀ DA LIỄU TỈNH HẬU GIANG**

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên: Trần Thanh Tâm

- Chức vụ: Nhân viên

- Số điện thoại: 0939629495

- Địa chỉ: đường số 14, khu vực 12, phường Vị Thanh, Tp. Cần Thơ

- Email: dsthanhtamhg@gmail.com

3. Hình thức tiếp nhận báo giá: Trực tiếp, Email, Fax

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ ngày 02/12/2025 09:48 đến trước 11/12/2025 17:00

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 11/12/2025 17:00

II. Nội dung yêu cầu báo giá

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
1	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học	1.200.000	ml	Tính năng: Hoá chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu	20L	

				<p>học Hình thức: Chất lỏng Màu sắc: Không màu, Mùi: Không mùi Thay đổi tình trạng Điểm nóng chảy/ Phạm vi nóng chảy: Không xác định Điểm sôi/ Dải sôi: Không xác định Điểm chớp cháy: Không áp dụng Tính tự cháy: Sản phẩm không tự bốc cháy Nguy hiểm cháy nổ: không gây nổ. Áp suất hơi ở 20°C: Chưa xác định Mật độ ở 20°C: Chưa xác định Độ hòa tan trong / Khả năng trộn với nước: Có thể trộn hoàn toàn Giá trị pH ở 25°C: ~7,12 Độ nhớt: Không xác</p>	Giang		
--	--	--	--	---	-------	--	--

				định			
2	Dung dịch phá vỡ hồng cầu	45.000	ml	Tính năng: Hoá chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học Hình thức: Chất lỏng Độ hòa tan trong / Khả năng trộn với nước: Có thể trộn hoàn toàn Giá trị pH ở 25°C: ~7,00 Độ nhớt: Không xác định	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang	500ml x 3	
3	Dung dịch rửa trường hợp bất thường	375.000	ml	Tính năng: Hoá chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học Hình thức: Chất lỏng Màu sắc: Vàng nhạt Mùi: hăng Thay đổi tình trạng Điểm nóng chảy/ Phạm vi nóng chảy: Không xác định Điểm sôi/ Dải sôi: Không	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang	5L	

				<p>xác định Điểm chớp cháy: Không áp dụng Tính tự cháy: Sản phẩm không tự bốc cháy Nguy hiểm cháy nổ: Sản phẩm không gây nổ. Áp suất hơi ở 20°C: Chưa xác định Mật độ ở 20°C: Chưa xác định Độ hòa tan trong / Khả năng trộn với nước: Có thể trộn hoàn toàn Giá trị pH ở 25°C: >12.00 Độ nhớt: Không xác định</p>			
4	Dung dịch rửa thường	375.000	ml	<p>Tính năng: Hoá chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học Hình thức: Chất lỏng Màu sắc: Xanh lam ,Mùi: Không mùi Thay</p>	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang	5L	

				<p>đổi tình trạng</p> <p>Điểm nóng chảy/Phạm vi nóng chảy: Không xác định</p> <p>Điểm sôi/Dải sôi: Không xác định</p> <p>Điểm chớp cháy: Không áp dụng</p> <p>Tính tự cháy: Sản phẩm không tự bốc cháy</p> <p>Nguy hiểm cháy nổ: không gây nổ. Áp suất hơi ở 20°C: Chưa xác định</p> <p>Mật độ ở 20°C: Chưa xác định</p> <p>Độ hòa tan trong / Khả năng trộn với nước: Có thể trộn hoàn toàn</p> <p>Giá trị pH ở 25°C: ~8,00</p> <p>Độ nhớt: Không xác định</p>			
5	Dung dịch kiểm chuẩn máy huyết	6	ml	Tính năng: Hoá chất dùng cho	Bệnh viện Chuyên khoa	1x3ml	

	học			máy phân tích huyết học để nội kiểm mức 1 Hình dạng: Chất lỏng Màu sắc: màu đỏ	Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang		
6	Dung dịch kiểm chuẩn máy huyết học(mức trung bình)	6	ml	Tính năng: Hoá chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức 2 Hình dạng: Chất lỏng Màu sắc: màu đỏ	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang	1x3ml	
7	Dung dịch kiểm chuẩn máy huyết học	6	ml	Tính năng: Hoá chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức 3 Hình dạng: Chất lỏng Màu sắc: màu đỏ	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang	1x3ml	
8	Thuốc thử định lượng UREA	10.000	ml	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea Dải đo: 0,7-500mg/dL Phương pháp: Urease UV Quy	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang	4X50 mL + 4X50 mL	

				cách: 4x50ml+4x50ml /Hộp, Tỷ lệ R&R2: 1+1 Tiêu chuẩn: ISO 13485.			
9	Thuốc thử định lượng Glucose	10.000	ml	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose Dải đo: 2 - 600 mg/dL Phương pháp: phương pháp IFCC Quy cách: 4x45ml+4x15ml /Hộp. Tỷ lệ R&R2: 3+1 Tiêu chuẩn: ISO 13485	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liệu tỉnh Hậu Giang	4x45 ml+ 4x15 ml	
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	10.000	ml	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine Dải đo: <30 mg/dL for serum, <400 mg/dL for urine Phương pháp: Jaffe kinetic Quy cách:	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liệu tỉnh Hậu Giang	4X38 mL + 4X25 mL	

				4x38ml+4x25ml /Hộp Tiêu chuẩn: ISO 13485.			
11	Thuốc thử định lượng Uric Acid	3.200	ml	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric acid Dải đo: 0,5-30mg/dL Phương pháp: Uricase/PAP Quy cách: 4x50ml+4x50ml /Hộp, Tỷ lệ R&R2: 1+1 Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liệu tỉnh Hậu Giang	4X50 mL + 4X50 mL	
12	Thuốc thử định lượng Cholesterol	3.200	ml	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol Dải đo: 6-600 mg/dL Phương pháp: CHOD-POD Quy cách: 4x22.5ml/ Hộp Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liệu tỉnh Hậu Giang	4X22,5mL	
13	Thuốc thử định lượng	3.200	ml	Tính năng: Hóa chất dùng cho	Bệnh viện Chuyên khoa	4X50mL + 4X12,5mL	

	Triglycerides			xét nghiệm Triglycerids Dải đo: 4-1400mg/dL Phương pháp: GPO-POD Quy cách: 4x50ml+4x12.5ml/Hộp, Tỷ lệ R&R2: 4+1 Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang		
14	Thuốc thử định lượng AST/GOT	10.000	ml	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST Dải đo: 6-800 U/L Phương pháp IFFC Quy cách: 4x50ml+4x12.5ml/Hộp, Tỷ lệ R&R2: 4+1 Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang	4X50 mL + 4X12,5 mL	
15	Thuốc thử định lượng ALT/GPT	10.000	ml	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT Dải đo: 8-800 U/L Phương pháp IFFC Quy cách: 4x50ml+4x12.5ml	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang	4X50 mL + 4X12,5 mL	

				, Tỷ lệ R&R2: 4+1 Tiêu chuẩn: ISO 13485.			
16	Thuốc thử định lượng Gamma Glutamyl Transf.	10.000	ml	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm G-GT Dải đo: 3-1000 U/L Phương pháp: IFCC Quy cách: 4x40ml+4x40ml /Hộp, Tỷ lệ R&R2: 1+1 Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang	4X40mL + 4X40mL	
17	Chất kiểm tra giá trị bình thường các thông số xét nghiệm sinh hóa mức 1	400.000	ml	Tính năng: Chất kiểm tra mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa Quy cách: 12x5ml/Hộp Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang	1 x 5ml	
18	Chất kiểm tra giá trị bình thường các thông số xét nghiệm sinh hóa mức 2	100.000	ml	Tính năng: Chất kiểm tra mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa Quy cách: 12x5ml/Hộp	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang	1 x 5ml	

				Tiêu chuẩn: ISO 13485.			
19	Chất kiểm tra giá trị bình thường các thông số xét nghiệm sinh hóa mức 3	90	ml	Tính năng: Chất chuẩn chung cho các xét nghiệm sinh hóa Quy cách: 12 x 5ml/Hộp Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang	Hộp 3x2,5mL	
20	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Toxocara	4	Hộp	Bộ xét nghiệm Toxocara IgG phát hiện kháng thể Toxocara IgG trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần: • Giếng phủ kháng nguyên Toxocara - 96 giếng thử. • Enzyme Conjugate: Một (1) chai chứa 11ml Protein- Một liên hợp với peroxidase. • Đối	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang	96 test/hộp	

				<p>chứng dương tính: Một (1) lọ chứa 2ml huyết thanh thử dương tính đã được pha loãng. • Đối chứng Âm tính: Một (1) lọ chứa 2ml huyết thanh người đã pha loãng. • Chromogen: Một (1) chai chứa 11ml chromogen tetramethylbenzi dine (TMB). • Dung dịch rửa cô đặc (20X): Hai (2) chai chứa 25ml dung dịch đệm và chất hoạt động bề mặt đệm đặc. • Đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30ml dung dịch protein đệm. • Dung dịch dừng:</p>			
--	--	--	--	--	--	--	--

				<p>Một (1) chai chứa 11ml axit photphoric 1 M. Tổng thời gian ủ: 50 phút Độ nhạy: 94% Độ đặc hiệu: 100% Chứng âm - 0.0 to 0.2 OD Chứng dương - 0.5 OD trở lên Bảo quản: 2-8 ° C Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFS, Giấy phép lưu hành.</p>			
21	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Echinococcus	4	Hộp	<p>Bộ xét nghiệm Echinococcus IgG phát hiện kháng thể Echinococcus IgG trong huyết thanh người • Giếng phủ kháng nguyên Echinococcus, 96 giếng thử trong hộp đựng que thử.. •</p>	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang	90 test/hộp	

				<p>Enzyme Conjugate: Một (1) chai chứa 11 ml Protein- Một liên hợp với peroxidase. • Đối chứng dương tính: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh thử dương tính đã được pha loãng. • Đối chứng Âm tính: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người đã pha loãng. • Chromogen: Một (1) chai chứa 11 ml chromogen tetramethylbenzidine (TMB). • Dung dịch rửa cô đặc (20X): Hai (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm và chất hoạt động bề mặt đậm đặc. • Đệm pha</p>			
--	--	--	--	---	--	--	--

				<p>loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm. • Dung dịch dùng: Một (1) chai chứa 11 ml axit photphoric 1 M. Tổng thời gian ủ: 50 phút Độ nhạy: 91% Độ đặc hiệu: 95% Chứng âm - 0.0 to 0.2 OD Chứng dương - 0.5 OD trở lên Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFS, Giấy phép lưu hành.</p>			
22	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Fasciola	4	Hộp	<p>Bộ xét nghiệm Fasciola IgG phát hiện kháng thể sán lá gan lớn trong huyết thanh người Thành phần: • Giếng phủ kháng nguyên Fasciola</p>	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang	96 test/hộp	

				<p>- 96 giếng thử. • Enzyme Conjugate: Một (1) chai chứa 11 ml Protein- Một liên hợp với peroxidase. • Đối chứng dương tính: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh thử dương tính đã được pha loãng. • Một (1) lọ âm tính chứa 2 ml huyết thanh người đã pha loãng. • Chromogen: Một (1) chai chứa 11 ml chromogen tetramethylbenzidine (TMB). • Dung dịch rửa cô đặc (20X): Hai (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm và chất hoạt động bề mặt đậm đặc. • Đệm pha</p>			
--	--	--	--	---	--	--	--

				<p>loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đậm. • Dung dịch dùng: Một (1) chai chứa 11 ml axit photphoric 1 M. Tổng thời gian ủ: 50 phút Độ nhạy: 87% Độ đặc hiệu: 95,6% Chứng âm - 0.0 đến 0.2 OD Chứng dương - 0.5 OD trở lên Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFS, Giấy phép lưu hành.</p>			
23	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Strongyloides	4	Hộp	<p>Xét nghiệm miễn dịch định tính để phát hiện kháng thể kháng Strongyloides Loại mẫu: huyết thanh/huyết tương Tổng thời gian ủ 20 phút ở</p>	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang	96 test/hộp	

				nhiệt độ phòng Đọc kết quả ở bước sóng 450/620-650 nm Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 100% Độ ổn định: từ 2-8°C trong 12 tháng			
24	Test Giang mai	200	test	Que thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch kỹ thuật màng, định tính phát hiện các kháng thể (IgG và IgM) kháng Treponema Pallidum (TP) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,3% - Độ chính xác tương quan: 99,6% - Độ	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang	50 test/hộp	

				<p>chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% Ống chống đông máu như heparin, EDTA và sodium citrate không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Đạt chứng nhận ISO&CE&FSC Đọc kết quả ở phút thứ 10 Phân loại TTBYT: D</p>			
25	Test HBsAg	300	test	<p>Tên TM: Định tính phát hiện kháng thể HBsAb trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: Các kháng nguyên HBsAg tái tổ hợp (Lab HBsAg, kháng nguyên HBsAg). - Độ</p>	<p>Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang</p>	50 test/hộp	

				<p>nhạy tương quan: 100%; - Độ đặc hiệu tương quan: 98.7% ; - Độ chính xác tương quan: 99.5%; Không bị phản ứng chéo với các mẫu dương tính yếu tố dạng thấp (RF), HAV, Syphilis, HIV, H. pylori, CMV, Rubella. Phân loại BYT: D Đọc kết quả tại 15 phút. Đạt chứng nhận ISO.</p>			
26	Test Anti HBs	300	test	<p>Định tính phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: Cặp kháng thể kháng HBsAg. - Độ</p>	<p>Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang</p>	50 test/hộp	

				<p>nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 100% - Độ chính xác tương quan: 100%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100%</p> <p>Ngưỡng phát hiện (LOD) : 1 ng/mL. Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HAV, HCV, Dengue, HIV, RF, Syphilis, TB, H.pylori.</p> <p>Không bị gây nhiễu bởi Sodium citrate nồng độ 3.8% và EDTA nồng độ 3.4 $\mu\text{mol/L}$ Phân loại BYT: D Đọc kết quả tại 15 phút. Đang chứng nhận ISO</p>			
27	Test HIV	200	test	Que thử xét nghiệm sử dụng	Bệnh viện Chuyên khoa	40 test/hộp	

				<p>để định tính phát hiện kháng thể kháng HIV-1, HIV-2 và nhóm O trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương.</p> <p>Thành phần: - Màng: kháng nguyên HIV tái tổ hợp bao gồm gp41, gp36 và kháng nguyên tái tổ hợp HIV-O. - Lớp cộng hợp: hạt vàng liên hợp với kháng nguyên tái tổ hợp gp41, gp36 và HIV-O. - Vạch kết quả: các kháng nguyên HIV-1 0,408ug, HIV-2 0,272ug, HIV-O 0,138ug. - Vạch chứng: kháng thể dê kháng thể IgG 0,340ug Ống</p>	Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang		
--	--	--	--	---	------------------------------------	--	--

				<p>chống đông máu như heparin, EDTA và sodium citrate không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm</p> <p>Hiệu quả chẩn đoán so với phương pháp HIV EIA: - Độ nhạy tương quan: 100%% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,0% - Độ chính xác tương quan: 99,3% - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99%</p> <p>Độc kết quả ở phút thứ 10 Phân loại BYT: D Đạt chứng nhận ISO&FSC.</p>			
28	Test 5 trong 1	300	test	Test nhanh định tính 5 chất gây nghiện trong nước tiểu. (AMP	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu	50 test/hộp	

				<p>1000, CODEINE 300, MOP300, THC 50, HEROIN 10) 1. AMP : 1000ng/mL, Độ nhạy : 99,9%, độ đặc hiệu : 100% 2. CODEINE: 300ng/mL, Độ nhạy: 99,9%, độ đặc hiệu : 100% 3. MOP: 300ng/ mL, Độ nhạy: 99,9%, độ đặc hiệu : 100% 4. THC: 50ng/mL, Độ nhạy: 99,9%, độ đặc hiệu : 100% 5. 6- Monoacetylmorp hine (6-MAM) (HER): 10 ng/ mL, Độ nhạy: 99,9%, độ đặc hiệu: 100% Hiệu suất của DOA Cassettes / Panels tại điểm ngưỡng cắt không bị ảnh</p>	Giang		
--	--	--	--	---	-------	--	--

				<p>hưởng khi phạm vi pH của mẫu nước tiểu là từ 3,0 đến 9,1 và phạm vi trọng lượng riêng của mẫu nước tiểu là gần 1,005 đến 1,055. Không phản ứng chéo với các chất sau: Deoxycorticosterone, Estrone-3-sulfate, N-Acetylprocainamide, Ethyl-p-aminobenzoate, Hydrochlorothiazide, o-Hydroxyhippuric acid, Penicillin-G, 3-Hydroxytyramine, d-Pseudoephedrine .</p> <p>Đọc kết quả sau 5 phút - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, 2 CFS Châu Âu -</p>			
--	--	--	--	---	--	--	--

				Xuất xứ Châu Âu			
29	Test Helicobacter pylori	200	test	<p>Định tính kháng thể kháng H.pylori trong huyết thanh, huyết tương của người bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. Khay thử chứa lớp màng được bọc với các kháng nguyên H.pylori đặc hiệu trên vùng thử. - Dạng khay (cassette) - Độ nhạy tương đối: 95.4 %, Độ đặc hiệu tương đối: 91 %. Thể tích mẫu: 20 µL - Giới hạn phát hiện: 0.4515±0.1126 ratio - Đọc kết quả trong vòng 10 phút ở phòng thí nghiệm từ</p>	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang	Hộp/25 test	

				<p>15-30^oC - Không có phản ứng chéo với các vi sinh vật và vi rút: C.jejuni, C.fetus, C.coli, P.aeruginosa, E.coli, Viêm gan A, B, C, E, xoắn khuẩn giang mai (1.0×10^6 CFU/mL) - Các chất gây nhiễu không ảnh hưởng đến kết quả: Acetaminophen (1.66 μmol/L), Aspirin (3.33 μmol/L), Heparin (75 đơn vị/mL), Citrat (10 mg/mL), EDTA (5 mg/mL) - Bảo quản: 1-30^oC (33.8-86^oF) Hồ sơ công bố TTBYT thuộc loại B - Đạt tiêu chuẩn ISO & Korea FSC &</p>			
--	--	--	--	---	--	--	--

				KGMP - Xuất xứ: OECD			
30	Que thử nước tiểu	200	test	Công ty cung cấp	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liệu tỉnh Hậu Giang	100 test/hộp	